TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Enh phúc**
Số: 220/2020/QĐST – HNGĐ	*K, ngày 06 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: xóm 6 xã M, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: anh Lê Văn Q; sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: thôn E, xã C, huyện K, thành phố Hà Nội. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc Tận tình ly hôn và thoả Tận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời En 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự Tận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Q.

2. Công nhận sự thoả Tận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Q có một con chung là Nguyễn Vương M, sinh ngày 05/8/2014. Khi ly hôn, chị T được quyền nuôi con chung là Nguyễn Vương M, anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

Không ai được quyền ngăn cản việc gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2 Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Q tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2010/0005310 ngày 25/6/2020, nay được hoàn lại 150.000 đồng. Anh Lê Văn Q tự nguyện chịu cả án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKS huyện K
- THADS huyện K
- UBND xã C
(Số ĐKKH 06/2013)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung

z